

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 132/2024/HS-PT

Ngày: 01/8/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Lê Huy.

Các Thẩm phán: Bà Lâm Ngọc Tuyền;

Ông Võ Trung Hiếu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Hà Phan, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Trần Ngọc Hà, Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 112/2024/TLPT-HS ngày 14 tháng 6 năm 2024 do có kháng cáo của các bị cáo **Nguyễn Thành C**, **Đỗ Lê T** đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 18/2024/HS-ST ngày 25 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

Bị cáo có kháng cáo:

1/ Họ và tên: **Nguyễn Thành C**, sinh năm 1994, tại Tiền Giang; nơi cư trú: **ấp V, xã L, thành phố G, tỉnh Tiền Giang**; CCCD: 0820.9400.7380; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 11/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Nguyễn Văn Đ** và con bà **Lại Thị Ngọc C1**; vợ: **Nguyễn Thị Tuyết N**; con: có 01 người con sinh năm 2024; tiền sự: không, tiền án: không; bị cáo tại ngoại. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2/ Họ và tên: **Đỗ Lê T** (tên gọi khác: **Q**), sinh năm 1990, tại Tiền Giang; nơi cư trú: **khu phố D, Phường A, thành phố G, tỉnh Tiền Giang**; CCCD: 0820.9001.0143; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 10/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Đỗ Văn H** và con bà **Lê Thị B**; vợ: **Nguyễn Thị Ánh H1**; con: có 01 người con sinh năm 2019; tiền án: không; tiền sự: không; đặc điểm nhân thân: Ngày 28/4/2011,

bị Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang tuyên phạt 12 (mười hai) tháng tù về tội “Không tố giác tội phạm” theo bản án số 10/2011/HSST (đã được xóa án tích), ngày 19/12/2012, bị Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang tuyên phạt 02 (hai) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án số 244/2012/HSPT (đã được xóa án tích); bị cáo tại ngoại. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra, bản án còn có 13 bị cáo, 07 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác nhưng không kháng cáo, bản án không bị kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do mâu thuẫn từ việc chị **Văn Thị Ngọc L**, sinh năm 1995, cư trú **khu phố E, phường B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang** là vợ của **Lưu Hoàng Q1** (tên thường gọi là **R**), sinh năm 1994, cư trú **khu phố E, phường B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang** thiếu tiền hui của chị **Phan Thị Huỳnh T1**, sinh năm 1994, cư trú **ấp C, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang**, nên khoảng 09 giờ ngày, 07/9/2022 **Đặng Minh P** (tên thường gọi là **Đ1**), sinh năm 1994, cư trú **ấp T, xã P, huyện G, tỉnh Tiền Giang** chở **Phan Thị Huỳnh T1** bằng xe mô tô hai bánh đến nhà của **L** để gặp **L** và **Q1** đòi tiền hui, do không gặp **L** và **Q1** nên **P** và **T1** đi về. Sau đó, **Q1** và **P** có nói chuyện điện thoại qua lại với nhau, **Q1** nghĩ **P** là người đi đòi nợ thuê giùm cho **T1** nên khoảng 10 giờ ngày 07/9/2022, **Q1** có gọi điện thoại cho **Nguyễn Thành C** (tên thường gọi **Chiến C2**) sinh năm 1994, cư trú **ấp V, xã L, thị xã G, tỉnh Tiền Giang** nói “giúp mình cái” (giải quyết mâu thuẫn), **C** đồng ý nhưng không biết giúp việc gì. Đồng thời, **Q1** cũng có nhắn tin trên group (nhóm) facebook messenger của **Q1** để thông báo việc **Q1** chuẩn bị đi tìm **P** để giải quyết mâu thuẫn. Tiếp theo, **Q1** có chuẩn bị hung khí gồm kiếm nhật, dao tự chế, búa (rìu), dao mác (**Q1** lấy hung khí có sẵn tại nhà và mua thêm dao mác) để đi tìm **P** nói chuyện, giải quyết mâu thuẫn. **Lưu Hoàng Q1** sử dụng xe mô tô hai bánh loại scoopi màu đỏ, biển số 63B7-638.01 chở hung khí đã chuẩn bị sẵn để trong bao đến đầu hẻm **nhà nghỉ X** thuộc **thị xã G, tỉnh Tiền Giang** đứng đợi **C** và một số người khác đến. Một lúc sau thì **C** đến gặp **Q1** tại khu vực cầu “Mới” gần **quán K2** thuộc **thị xã G**, cùng lúc này lần lượt đến còn có (1) **Phan Văn P1**, sinh năm 1998, cư trú **ấp N, xã P, huyện G, tỉnh Tiền Giang**; (2) **Lê Xuân D** (tên thường gọi **Duy B1**), sinh năm 2000, cư trú **khu phố D, thị trấn T, huyện G, tỉnh Tiền Giang**; (3) **Nguyễn Lê H2**, sinh năm 2002, cư trú **ấp H, xã L, thị xã G, tỉnh Tiền Giang**; (4) **Nguyễn Thanh T2** (tên thường gọi **Tài C**), sinh năm 1998, cư trú **khu phố A, phường C, thị xã G, tỉnh Tiền Giang**; (5) **Đỗ Lê T** (tên thường gọi là **Q**), sinh năm 1990, cư trú **khu phố D, phường A, thị xã G, tỉnh Tiền Giang**; (6) **Giản**

Phi H3, sinh năm 1996, cư trú khu phố C, phường E, thị xã G, tỉnh Tiền Giang; (7) Nguyễn Thanh T3 (tên thường gọi là Xì L1), sinh năm 1999, cư trú khu phố B, phường C, thị xã G, tỉnh Tiền Giang; (8) Trần Minh T4 (tên thường gọi là T5), sinh năm 1995, cư trú ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang; (9) Trương Hoàng Minh K (tên thường gọi là Bin K1), sinh năm 2002, cư trú khu phố A, phường B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang; (10) Nguyễn Minh T6 (tên thường gọi là Tân C3), sinh năm 1995, cư trú khu phố B, phường C, thị xã G, tỉnh Tiền Giang; (11) Nguyễn Quốc Đ2 (tên thường gọi là Bin B2), sinh năm 1997, cư trú ấp N, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang đến gặp bị cáo Q1 và bị cáo C. Sau đó, cả nhóm gồm 13 (mười ba) người di chuyển từ khu vực cầu “Mới” gần karaoke “Thu Ngân” theo đường tỉnh lộ 862 qua khu vực cổng chào thị trấn T, huyện G, tỉnh Tiền Giang đến quán ăn P2 (do Đặng Minh P làm chủ) thuộc ấp H, xã P, huyện G, tỉnh Tiền Giang để tìm P giải quyết mâu thuẫn trước đó. Cụ thể trên đường đi các bị cáo di chuyển như sau:

1. Bị cáo Nguyễn Thành C điều khiển xe mô tô hai bánh, biển số 63B7-638.01, loại xe Scoopy màu đỏ chở bị cáo Lưu Hoàng Q1 (bị cáo Q1 có cầm theo cây kiếm nhật);
2. Bị cáo Phan Văn P1 điều khiển xe mô tô hai bánh, biển số 63B7-456.54, loại xe Vario màu đỏ chở bị cáo Trần Minh T4 ngồi giữa cầm dao tự chế, bị cáo Nguyễn Quốc Đ2 ngồi phía sau cầm kiếm;
3. Bị cáo Lê Xuân D điều khiển xe mô tô hai bánh, biển số 63B6-303.44, loại xe Janus chở bị cáo Trương Hoàng Minh K trên xe có chở một bao hung khí (do bị cáo Q1 chuẩn bị);
4. Bị cáo Nguyễn Minh T6 điều khiển xe mô tô hai bánh, biển số 63B6-392.66, loại xe Wave màu xanh chở bị cáo Nguyễn Thanh T3;
5. Bị cáo Đỗ Lê T điều khiển xe mô tô hai bánh, biển số 63B6-119.61, loại xe Wave màu đỏ chở bị cáo Giản Phi H3 (bị cáo H3 cầm một cây búa (rìu));
6. Bị cáo Nguyễn Lê H2 điều khiển xe mô tô hai bánh, biển số 63B6-355.94, loại xe Vario màu xanh chở bị cáo Nguyễn Thanh T2 (bị cáo T2 có cầm theo dao tự chế).

Khi tất cả 13 (mười ba) bị cáo đến quán ăn P2, thì các bị cáo lấy hung khí trong bao đã chuẩn bị sẵn, cụ thể: (1) bị cáo Lưu Hoàng Q1 cầm dao tự chế (loại kiếm nhật); (2) bị cáo Nguyễn Thành C cầm một vỏ kiếm nhật; (3) bị cáo Phan Văn P1 không cầm hung khí; (4) bị cáo Nguyễn Quốc Đ2 cầm dao tự chế (loại kiếm nhật); (5) bị cáo Trần Minh T4 cầm dao tự chế (loại dao mác); (6) bị cáo Lê Xuân D cầm dao tự chế (loại dao mác); (7) bị cáo Trương Hoàng Minh K cầm dao tự chế (loại kiếm nhật); (8) bị cáo Đỗ Lê T cầm dao tự chế, (9) bị cáo

Giản Phi H3 cầm búa (rìu), (10) bị cáo Nguyễn Thanh T2 cầm dao tự chế (loại dao mác), (11) bị cáo Nguyễn Lê H2 không có cầm hung khí, (12) bị cáo Nguyễn Minh T6 không cầm hung khí, (13) bị cáo Nguyễn Thanh T3 không cầm hung khí. Tất cả 12 (mười hai) bị cáo đi vào quán ăn P2 nhằm mục đích để tìm Đặng Minh P để nói chuyện và giải quyết mâu thuẫn, riêng (13) bị cáo Nguyễn Thanh T3 đứng trước cửa quán không vào bên trong nhưng đã đồng thuận cùng các bị cáo khác để đi tìm P giải quyết mâu thuẫn. Sau khi vào bên trong quán thì Đặng Minh P phát hiện các bị cáo cầm hung khí tìm mình để giải quyết mâu thuẫn nên P bỏ chạy ra phía sau, lúc này các bị cáo cùng nhau rượt đuổi theo P ra phía sau nhưng không gặp, nên các bị cáo lần lượt ra về, riêng bị cáo Nguyễn Thành C có quay lại dùng vỏ cây kiếm nhật đập vỡ kính cửa phòng bếp tại quán G. Các bị cáo cùng về đến đầu hẻm nhà nghỉ X thuộc thị xã G gồm hung khí lại giao cho bị cáo Q1, sau đó thì các bị cáo giải tán ra về.

Trước khi đến Cơ quan CSĐT Công an huyện G làm việc vào ngày 10/9/2022, thì Q1 có gặp Nguyễn Minh T7, sinh năm 2000, cư trú ấp H, xã L, TX G, tỉnh Tiền Giang và Nguyễn Duy T8, sinh năm 2000, ấp T, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang, để kể lại toàn bộ sự việc cho T7 và T8 nghe vụ việc xảy ra ngày 12/9/2022 tại quán ăn P2 do Đặng Minh P làm chủ và nói với T7 và T8 là ngày 12/9/2023 đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G làm việc, đồng thời Q1 hướng dẫn T7 và T8 khai với nội dung: “khoảng 09 giờ 00 phút, ngày 07/9/2022, T8, H2, D và T7 có ngồi uống cà phê tại quán cà phê L2 gần tượng đài T thuộc thị xã G. Lúc này, Q1 điện thoại cho T8 nói “Đi đây với anh cái” nhưng không có nói đi đâu, làm gì, thì T8 có nói với H2, D, T7 “anh R nhờ đi với anh”. Sau đó, T8, H2, D, T7 câu (chờ) 04 người đi xe máy đến đầu hẻm nhà Q1. Khi tới nơi thì thấy Q1 đi xe máy ra đem theo 01 cây kiếm nhật. H2 mới đi qua xe của Q1 để chờ Q1; T8, D, T7 cùng đi trên xe mô tô loại Wave. Chạy được một đoạn, đến đoạn đường gần bệnh viện G1 thì có nhìn thấy một người bán dao mác, Q1 và H2 dừng xe lại mua 04 cây dao mác với giá 900.000 đồng (chín trăm ngàn đồng). Rồi tất cả 05 người đi trên 02 xe tiếp tục đi đến một quán ăn thì dừng lại, T8, H2, T7, D mỗi người lại lấy 01 cây dao mác đã mua, Q1 cầm kiếm nhật chạy vào quán, không thấy ai nên các bị cáo ra về. Ngoài ra, T7 có đập vỡ cửa kính của quán”. Đến ngày 12/9/2022, T8, T7, H2 và D đến Cơ quan CSĐT Công an huyện G để làm việc và trình bày nội dung đã được Q1 hướng dẫn như trên và giao nộp hung khí.

* Vật chứng thu giữ: 01 (một) con dao tự chế dài 94 cm, lưỡi kim loại màu đen dài 42cm, mũi bằng rộng nhất 6,6cm, nơi hẹp nhất 03cm, cán gỗ màu vàng nâu dài 52cm, có ghi số 260 màu đỏ; 01 (một) cây kiếm dài 97cm, lưỡi

kim loại màu bạc, ánh kim dài 76cm, mũi nhọn, bằng rộng nhất 2,8cm, cán được quấn dây vải màu đen; 01 (một) con dao tự chế dài 59,3cm, lưỡi kim loại màu đen dài 29,5cm, mũi bằng rộng nhất 7,5cm, nơi hẹp nhất 3,1cm, cán gỗ màu vàng nâu dài 29,2cm, có ghi số 220 màu đỏ; 01 (một) con dao tự chế dài 91cm, lưỡi kim loại màu đen dài 41 cm, mũi bằng rộng nhất 6,7cm, nơi hẹp nhất 03cm, cán gỗ màu vàng nâu dài 50cm, có ghi số 260 màu đỏ; 01 (một) con dao tự chế dài 58cm, lưỡi kim loại màu đen dài 29 cm, mũi bằng rộng nhất 7,5cm, nơi hẹp nhất 03cm, cán gỗ màu vàng nâu dài 29cm, có ghi số 220 màu đỏ; 01 (một) xe mô tô hai bánh hiệu Honda, loại xe wave alpha, màu xanh biển số 63B6-392.66, số máy JA39E1037167, số khung RLHJA3919KY17945 (thu giữ của bị cáo T3); 01 (một) áo thun ngắn tay màu xám, phía trước có ghi chữ NEIGHBOR nhãn hiệu KOG size L (thu giữ của bị cáo T3); 01 (một) quần sọt jean màu xanh, có ghi nhãn chữ DSQUARED (thu giữ của bị cáo T3); 01 (một) đôi dép bitis dạng kẹp, màu đỏ, quai đen (thu giữ của bị cáo T3); 01 (một) điện thoại di động màu đen, hiệu Nokia số IMEI 352891109144119 (thu giữ của bị cáo T3); 01 (một) quần sọt jean màu đen, có ghi nhãn chữ LOUIS VUITTON (thu giữ của bị cáo H3); 01 (một) áo khoát màu đen, có ghi chữ REDLEDGE (thu giữ của bị cáo H3); 01 (một) đôi dép nhựa màu nâu có ghi chữ winner (thu giữ của bị cáo H3); 01 (một) áo thun màu đen có in chữ nổi phía trước “PEACELNESS” nhãn hiệu “DN” men (thu giữ của bị cáo T4); 01 (một) quần sọt jean màu đen xám, có nhiều chỗ rách, phía trước bên phải có hoạ tiết thêu hình (thu giữ của bị cáo T4); 01 (một) thanh kim loại tròn, màu trắng, chiều dài 39cm, đường kính 02cm (thu giữ của bị cáo H2); 01 (một) con dao kim loại màu đen, đã gỉ sét, mũi bằng, cán và lưỡi liền khối, chiều dài 36,5cm, lưỡi dài 26cm, cán tròn dài 10,5cm đường kính 4,4cm, phần rộng nhất của lưỡi dao 8,2cm (thu giữ của bị cáo H2); 01 (một) nắm đấm bằng kim loại màu đen kích thước (11,3x6,6x0,8)cm (thu giữ của bị cáo Q1); 01 (một) viên đạn mã tử màu vàng kích thước (7x1,4)cm (thu giữ của bị cáo Q1); 01 (một) đầu đạn kim loại màu vàng kích thước (2,3x0,5)cm, phần đầu đạn bị cắt, phần thân có vết cắt (0,5x0,2)cm (thu giữ của bị cáo Q1); 01 (một) hộp nhựa màu đen, dạng gấp, có kích thước (20,5x24x5,5)cm (thu giữ của bị cáo Q1); 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone màu xanh, không kiểm tra chất lượng bên trong.

Trong quá trình điều tra, truy tố các bị cáo Lưu Hoàng Q1, Nguyễn Thành C, Phan Văn P1, Nguyễn Quốc Đ2, Trần Minh T4, Lê Xuân D, Trương Hoàng Minh K, Đỗ Lê T, Giản Phi H3, Nguyễn Thanh T2, Nguyễn Lê H2, Nguyễn Minh T6, Nguyễn Thanh T3, Nguyễn Minh T7 và Nguyễn Duy T8 đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình.

Riêng bị cáo **Lưu Hoàng Q1** có nhiều đóng góp trong đợt dịch covid – 19 được chính quyền địa phương công nhận; bị cáo **Nguyễn Thành C** là bộ đội xuất ngũ, có thành tích tốt trong chiến đấu; bị cáo **Đỗ Lê T** có bà nội là bà **Nguyễn Thị Đ3** được tặng bằng khen đã có thành tích trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước và cha ruột là ông **Đỗ Văn H** được nhà nước trao tặng Huân chương chiến công (hạng ba), gia đình khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương.

Bị cáo **Phan Văn P1** bị Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang tuyên phạt 03 (ba) năm tù về tội “có ý gây thương tích” theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật Hình sự tại bản án số 06/2021/HSST ngày 27/01/2021. Bị cáo được tha tù trước hạn có điều kiện kể từ ngày 20/01/2022 theo Giấy chứng nhận số 21 ngày 20/01/2022 của Cơ quan Thi hành án hình sự **Công an huyện G** thời gian thử thách là 11 (mười một) tháng kể từ ngày 20/01/2022. Tính đến thời điểm **Phan Văn P1** thực hiện hành vi gây rối trật tự công cộng vào ngày 07/9/2022, thì **P1** chưa được xóa án tích. Đồng thời, bị cáo **P1** thực hiện hành vi phạm tội mới trong thời gian thử thách đối với phạm nhân được tha tù trước hạn có điều kiện. Bị cáo **P1** chưa được xóa án tích nhưng lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội cố ý.

Ngày 27/12/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an huyện G** có văn bản số 10/CV-CSĐT về việc lấy ý kiến chính quyền **xã P, huyện G** về việc các nhóm đối tượng có hành vi đánh nhau gây rối trật tự công cộng có ảnh hưởng như thế nào đến tình hình an ninh, chính trị, an toàn xã hội tại địa phương;

Ngày 30/12/2022, Ủy ban nhân dân **xã P, huyện G** có văn bản số 522/UBND ghi ngày 30/12/2022 về việc lấy ý kiến phản ánh của người dân đối với hành vi nêu trên: “Nhóm của đối tượng **Lưu Hoàng Q1**, sinh năm 1994, cư trú **phường E, thị xã G, tỉnh Tiền Giang** có biểu hiện băng nhóm có mang theo hung khí khi xảy ra mâu thuẫn, cụ thể vào ngày 07/9/2022 đến tìm **Đặng Minh P** nhưng không gặp, có dùng hung khí vô kiểm nhật đập vỡ kính cửa quán của **Đặng Minh P** (do đối tượng **Đặng Minh P** có đến nhà vợ của **Lưu Hoàng Q1** để đòi nợ)” và xác nhận “Qua thông tin người dân nhóm của đối tượng **Đặng Minh P**, sinh năm 1994, cư trú **ấp T, xã P, huyện G, tỉnh Tiền Giang** có biểu hiện đi đòi nợ thuê, đập phá tài sản nếu người mượn tiền không trả, tụ tập băng nhóm đánh nhau có mang theo hung khí khi xảy ra mâu thuẫn”. Vụ việc trên đã làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, mức độ ảnh hưởng nghiêm trọng, gây bức xúc trong quần chúng nhân dân, tạo dư luận xấu đến người dân, làm cho người dân hoang mang, không yên tâm lao động sản xuất.

Ngày 15/3/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G phối hợp Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông, Ủy ban nhân dân xã P, Công an xã P, huyện G tiến hành họp dân trên địa bàn xã P với nội dung lấy ý kiến người dân liên quan đến vụ “gây rối trật tự công cộng” xảy ra vào ngày 07/9/2022 tại ấp H, xã P, huyện G, tỉnh Tiền Giang. Kết quả người dân hoàn toàn thống nhất nhận định: hành vi của các đối tượng trong vụ việc “gây rối trật tự công cộng” xảy ra ngày 07/9/2022 tại ấp H, xã P, huyện G, tỉnh Tiền Giang có tính chất côn đồ hung hãn, gây mất an ninh trật tự tại địa phương, làm cho nhân dân bất an trong cuộc sống, các nhóm đối tượng thường xuyên tụ tập đâm đánh nhau có sử dụng hung khí nguy hiểm. Người dân tại địa phương thống nhất quan điểm yêu cầu Cơ quan chức năng xử lý vụ việc đúng theo quy định pháp luật.

Ngày 27/9/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G ra yêu cầu định giá tài sản số 427 đến Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện G để xác định giá trị tài sản là: 01 (một) tấm kính hoa văn kích thước 118 x 98 cm;

Ngày 01/11/2022, Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện G có kết luận định giá số 137/KL-HĐĐGTS, kết luận tổng giá trị tài sản là 01 (một) tấm kính hoa văn kích thước 118 x 98 cm bị thiệt hại có giá là: 277.000 đồng (hai trăm bảy mươi bảy nghìn đồng).

Ngày 06/10/2022, Cơ quan CSĐT Công an huyện G có quyết định trưng cầu giám định số 104 gửi Phòng PC09 Công an tỉnh T xác định đoạn video clip trong một đĩa đã được niêm phong trong một phong bì có các chữ ký xác nhận có bị cắt ghép hay không? Mô tả đặc điểm và hành động của từng người trong đoạn clip?

Ngày 26/12/2022, Cơ quan CSĐT Công an huyện G nhận được kết luận giám định số 1045/KL-KTHS ngày 09/12/2022 của Phòng PC09 Công an tỉnh T. Kết luận:

- Không phát hiện thấy dấu hiệu cắt, ghép nội dung 04 tập tin video cần giám định.
- Mô tả đặc điểm và hành động của các đối tượng thể hiện chi tiết trong bản ảnh Mô tả đặc điểm và hành động của đối tượng.

Kèm theo kết luận giám định: 01 bản ảnh Mô tả đặc điểm và hành động của đối tượng (13 ảnh).

* Về trách nhiệm dân sự: bị hại trong vụ việc “cố ý làm hư hỏng tài sản” là anh Đặng Minh P (Đ1), sinh năm 1994, cư trú ấp T, xã P, huyện G, tỉnh Tiền Giang (là chủ quán ăn P2, địa chỉ ấp H, xã P, huyện G, tỉnh Tiền Giang) bị thiệt hại tài sản là 01 (một) tấm kính hoa văn kích thước 118 x 98 cm có giá là: 277.000 đồng (hai trăm bảy mươi bảy nghìn đồng). Tuy nhiên, anh P nhận thấy

tài sản thiệt hại không đáng kể nên không yêu cầu bị cáo, người có liên quan bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả về trách nhiệm dân sự nên không xem xét.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 18/2024/HS-ST ngày 25 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

- Tuyên bố các bị cáo **Nguyễn Thành C**, **Đỗ Lê Trọng phạm t** “Gây rối trật tự công cộng”.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; Điều 17; Điều 58; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Phạt bị cáo **Nguyễn Thành C** 02 (Hai) năm 03 (Ba) tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; Điều 17; Điều 58; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Phạt bị cáo **Đỗ Lê T** 02 (Hai) năm tù, thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về tội danh, hình phạt đối với các bị cáo **Lưu Hoàng Q1**, **Phan Văn P1**, **Nguyễn Quốc Đ2**, **Trần Minh T4**, **Lê Xuân D**, **Trương Hoàng Minh K**, **Giản Phi H3**, **Nguyễn Thanh T2**, **Nguyễn Lê H2**, **Nguyễn Minh T6**, **Nguyễn Thanh T3**, **Nguyễn Minh T7**, **Nguyễn Duy T8**, quyết định về phần xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 02/4/2024, bị cáo **Nguyễn Thành C** có đơn kháng cáo với nội dung: xin được hưởng án treo.

Ngày 02/4/2024, bị cáo **Đỗ Lê T** có đơn kháng cáo với nội dung: xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin được hưởng án treo.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang: Về tố tụng, bị cáo có đơn kháng cáo hợp lệ và trong thời hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm. Về tội danh, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố các bị cáo phạm tội “Gây rối trật tự công cộng” là có căn cứ pháp luật. Về hình phạt, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo nói lời nói sau cùng: xin Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Bị cáo **Nguyễn Thành C**, **Đỗ Lê T** có đơn kháng cáo trong thời hạn luật định và thực hiện thủ tục kháng cáo hợp lệ nên được xem xét

theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Về hình sự:

Khoảng 10 giờ 00 phút ngày 07/9/2022, các bị cáo cùng Lưu Hoàng Q1, Phan Văn P1, Nguyễn Quốc Đ2, Trần Minh T4, Lê Xuân D, Trương Hoàng Minh K, Giản Phi H3, Nguyễn Thanh T2, Nguyễn Lê H2, Nguyễn Minh T6 và Nguyễn Thanh T3 tụ tập, trên tay có cầm hung khí, sử dụng 06 xe mô tô lưu thông trên Tỉnh lộ 682 từ thị xã G đến ấp H, xã P, huyện G, tỉnh Tiền Giang để tìm Đặng Minh P giải quyết mâu thuẫn. Tại quán ăn P2 do Đặng Minh P làm chủ, cả nhóm sử dụng hung khí rượt đuổi đánh anh Đặng Minh P qua nhiều tuyến đường thuộc thị trấn T, sau đó đập phá tài sản của quán ăn P2.

Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm kết án các bị cáo về tội “Gây rối trật tự công cộng” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội.

Nguyên nhân xuất phát chỉ vì mâu thuẫn nhỏ mà các bị cáo đã tụ tập nhóm đông, tay cầm hung khí điều khiển xe mô tô di chuyển trên đoạn đường dài thuộc đường huyết mạch, đập phá tài sản, truy đuổi nhau qua nhiều tuyến đường tại khu vực T người qua lại, gây náo loạn cả khu vực, gây bức xúc trong nhân dân, tạo ra tâm trạng hoang mang cho người dân trong lao động sản xuất. Hành vi phạm tội của các bị cáo thể hiện bản tính hung hăng, xem thường pháp luật, nguy hiểm cho xã hội, làm mất an ninh, trật tự trị an tại địa phương. Do vậy, cần phải xử nghiêm mới đảm bảo tính giáo dục, răn đe phòng ngừa loại tội phạm này.

[2.1]. Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thành C:

Tòa án cấp sơ thẩm xem xét tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có thời gian phục vụ quân ngũ theo quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, và tuyên phạt bị cáo 02 năm 03 tháng tù.

Trong vụ án, bị cáo có vai trò rất tích cực, bị cáo biết rõ việc bị cáo Q1 chuẩn bị hung khí đi gặp Đ2 để giải quyết mâu thuẫn, bị cáo chủ động chở Q1 trên tay có cầm hung khí (loại kiếm nhật) lưu thông trên đoạn đường dài, có nhiều người tham gia giao thông. Khi đến quán ăn Phát Đ5, bị cáo cùng Q1 xông vào quán để truy đuổi anh Đ5, gây náo loạn cả khu vực, sau đó có dùng vật (vỏ kiếm nhật) đập bể tấm kính hoa của quán. Hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp nghiêm trọng và việc cho hưởng án treo gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự tại địa phương, nên không đủ điều kiện cho hưởng án treo theo quy định tại Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Do vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận

kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo. Tuy vậy, quá trình thực hiện hành vi phạm tội bị cáo không cầm hung khí, tài sản do bị cáo gây hư hỏng có giá trị không lớn và bị hại không yêu cầu bồi thường, nên Tòa án cấp sơ thẩm tuyên phạt bị cáo với mức án cao hơn so với các bị cáo khác có cầm hung khí là nghiêm khắc so với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Do vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo, giảm nhẹ một phần mức hình phạt đối với bị cáo.

[2.2]. Xét kháng cáo của bị cáo **Đỗ Lê T**:

Sau khi xem xét tính chất, mức độ phạm tội, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có thân nhân là người có công cách mạng theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ Luật Hình sự, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên phạt bị cáo 02 năm tù.

Giống như các bị cáo khác, bị cáo biết rõ việc bị cáo **Q1** chuẩn bị hung khí đi gặp **Đ5** để giải quyết mâu thuẫn, nhưng bị cáo chủ động chở **H3** trên tay có cầm hung khí (búa) lưu thông trên đoạn đường dài, có nhiều người tham gia giao thông. Khi đến quán ăn **Phát Đ5**, bị cáo cầm dao cùng **Q1** xông vào quán để truy đuổi anh **Đ5**, gây náo loạn cả khu vực. Tuy mức độ phạm tội của bị cáo có thấp hơn so với bị cáo **Q1**, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm tuyên phạt bị cáo với mức án như nêu trên là tương xứng tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Bị cáo kháng cáo nhưng không cung cấp tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đặc biệt nào mới, mặt khác bị cáo phạm tội thuộc trường hợp nghiêm trọng, lịch sử bản thân đã 02 lần bị kết án về tội “Không tố giác tội phạm” và “Trộm cắp tài sản” và việc cho hưởng án treo gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự tại địa phương nên không đủ điều kiện cho hưởng án treo theo quy định tại Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Do vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

[3]. Ngoài ra, trong vụ án này, Tòa án cấp sơ thẩm còn kết án các bị cáo **Nguyễn Minh T7** và **Nguyễn Duy T8** về tội “Khai báo gian dối” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 382 của Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, xét về mặt chủ thể của tội phạm thì bị cáo **T7** và **T9** không phải là chủ thể của tội phạm quy định tại Điều 382 của Bộ luật Hình sự, nên cần kiến nghị Tòa án cấp có thẩm quyền kháng nghị bản án hình sự sơ thẩm để xem xét lại trách nhiệm hình sự đối với hành vi của các bị cáo theo quy định của pháp luật.

[4]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang là có căn cứ chấp nhận một phần như nhận định của Hội đồng xét xử.

[5]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6]. Bị cáo **Nguyễn Thành C** kháng cáo về hình phạt được chấp nhận nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm, bị cáo **Đỗ Lê T** kháng cáo về hình phạt không được chấp nhận nên phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại điểm b, d khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355, Điều 356, Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo **Nguyễn Thành C**.

Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 18/2024/HS-ST ngày 25 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang về hình phạt đối với bị cáo **Nguyễn Thành C**.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; Điều 17; Điều 58; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Phạt bị cáo **Nguyễn Thành C** 02 (Hai) năm tù, thời hạn tù được tính từ ngày bị bắt thi hành án.

2. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo **Đỗ Lê Trọng**.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 18/2024/HS-ST ngày 25 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang về hình phạt đối với bị cáo **Đỗ Lê Trọng**.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; Điều 17; Điều 58; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Phạt bị cáo **Đỗ Lê T** 02 (Hai) năm tù, thời hạn tù được tính từ ngày bị bắt thi hành án.

3. Về án phí: Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bị cáo **Đỗ Lê T** phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- Trại tạm giam CA tỉnh Tiền Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Tiền Giang;
- Phòng hồ sơ CA tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện G;
- VKSND huyện G;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

- Công an huyện G;
- THADS huyện G;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Nguyễn Lê Huy